BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 01/10/2024

30/09/2024	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,287.94	-0.23%	1,352.56	0.00%	234.91	-0.34%
Tổng KLGD (tr. cp)	**748.69**	**-21.29%**	**295.80**	**-29.76%**	**56.79**	**-41.91%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**693.56**	**-20.76%**	**268.32**	**-33.11%**	**52.70**	**-18.67%**
TB 20 phiên (tr. cp)	583.71	18.82%	223.49	20.06%	48.41	8.86%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**16,297**	**-24.45%**	**8,047**	**-32.61%**	**1,148**	**-33.93%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**15,124**	**-21.67%**	**7,423**	**-30.63%**	**1,066**	**-13.43%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	13,605	11.16%	6,847	8.41%	923	15.51%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	153	33%	8	27%	61	27%
Số mã giảm	241	52%	19	63%	98	44%
Số mã đứng giá	70	15%	3	10%	64	29%

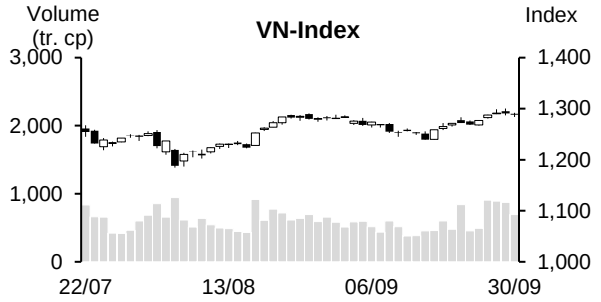

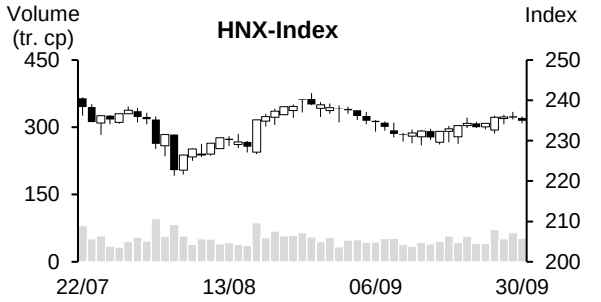

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp với các chỉ số chính giằng co trong biên độ hẹp. Việc VN-Index thất bại trước ngưỡng 1,300 điểm vào cuối tuần trước đã khiến tâm lý của nhà đầu tư dần trở nên thận trọng trong việc giải ngân mới. Thanh khoản suy giảm, đồng thời VN-Index giao dịch dưới mốc tham chiếu trong phần lớn thời gian của phiên hôm nay với sự áp đảo của số mã giảm giá. Tuy vậy, đa số các nhóm đóng cửa với mức giảm nhẹ. Ở chiều ngược lại, thép, chứng khoán, dệt may là những nhóm hút tiền và tăng nổi bật. Về giao dịch khối ngoại, khối này đã đảo chiều bán ròng trở lại khá mạnh trong phiên hôm nay, tập trung chủ yếu ở hai cổ phiếu là HPG và STB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, chỉ số VN-Index tiếp tục có phiên rung lắc, tín hiệu khá tích cực với nến giằng co biến động thấp kèm khối lượng giảm, cho thấy áp lực bán yếu, đang ủng hộ khả năng chỉ là nhịp rung lắc ngắn tại cản tâm lý 1300. Hỗ trợ gần ở 1266-1283. Kỳ vọng chỉ số sớm tăng trở lại vượt đỉnh tháng 6 sau nhịp chỉnh này. Đối với HNX-Index, chỉ số cũng có thêm phiên giảm theo sau nến rút đầu cuối tuần, nhưng tín hiệu chưa có gì tiêu cực khi chỉ chịu áp lực bán yếu, kỳ vọng nhịp tăng còn tiếp diễn lên vùng 240-242. Chiến lược chung có thể giữ tỷ trọng ở mức cao, ưu tiên chú ý các nhóm như Bán lẻ, BĐS, Chứng khoán, Ngân hàng, Công nghệ, Phân bón, Cao su.

Cổ phiếu khuyến nghị: Mua BID

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BID	Mua	01/10/2024	49.70	49.70	0.0%	55.0	10.7%	47.5	-4.4%	Tín hiệu điều chỉnh không xấu

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PHR	Mua	29/08/2024	60.00	58.20	3.1%	62.5	7.4%	55.5	-4.6%	
2	FTS	Mua	17/09/2024	46.00	43.20	6.5%	47	8.8%	41.3	-4%	
3	ELC	Mua	18/09/2024	24.80	23.80	4.2%	26	9.2%	22.6	-5%	
4	FPT	Mua	19/09/2024	134.50	134.6	-0.1%	155	15.2%	129	-4%	
5	GVR	Mua	20/09/2024	35.75	35.7	0.1%	42	17.6%	34	-5%	
6	BSR	Mua	23/09/2024	24.23	23.812	1.8%	27	13%	22.7	-5%	
7	LPB	Mua	24/09/2024	31.95	31.4	1.8%	36	15%	30	-4%	
8	KDH	Mua	25/09/2024	38.9	38.5	1.0%	41	6%	37.4	-3%	
9	MSN	Mua	26/09/2024	75.7	75.5	0.3%	85	13%	72.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Ngân hàng Nhà nước bơm thanh khoản mạnh nhất kể từ đầu năm 2023

Trong 5 phiên giao dịch tuần trước, NHNN đã chào thầu tổng cộng 79.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày và lãi suất giữ nguyên ở mức 4,0%. Trong đó, có 67.359,15 tỷ đồng trúng thầu và có 1.511,6 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua. Bên cạnh đó, NHNN không chào thầu tín phiếu và cũng không có khối lượng đáo hạn trên kênh này. Như vậy, NHNN bơm ròng 65.847,55 tỷ đồng ra thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở. So với tuần trước đó, lượng OMO chào thầu của NHNN đã tăng thêm 64.000 tỷ đồng và lượng OMO trúng thầu cao gấp gần 45 lần.

Tính đến cuối tuần trước, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 67.359,15 tỷ đồng, không còn khối lượng tín phiếu lưu hành. Qua đó, đánh dấu trạng thái bơm ròng thanh khoản mạnh nhất kể từ tháng 2/2023.

Nhà điều hành mạnh tay bơm thanh khoản trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng bật tăng trong những phiên gần đây. Theo số liệu mới nhất được NHNN công bố, lãi suất VND bình quân liên ngân hàng tại kỳ hạn qua đêm (kỳ hạn chính chiếm khoảng 90% giá trị giao dịch) trong phiên 26/9 đã tăng lên 4,22% từ mức 3,28% trước đó một tuần. Lãi suất các kỳ hạn khác như 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng cũng đã tăng 0,6 – 0,8 điểm % trong cùng thời gian trên.

Giải ngân vốn đầu tư công cả nước đạt trên 47% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao

Bộ Tài chính cho biết, dự kiến hết quý III, giá trị giải ngân vốn đầu tư công của cả nước được gần 320.567 tỷ đồng, đạt 42,96% kế hoạch, đạt 47,29% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn cùng kỳ năm 2023 (đạt 47,75% kế hoạch và đạt 51,38% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Tuy nhiên, theo Bộ Tài chính, đối với 9 dự án giao thông trọng điểm quốc gia đang có tỷ lệ giải ngân cao hơn bình quân chung của cả nước.

Đến hết tháng 8/2024, tổng số vốn giải ngân cho 9 dự án này là 42.198,74 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 41,6% kế hoạch. So với tỷ lệ giải ngân chung của cả nước trong 8 tháng là 36,7%, thì tỷ lệ giải ngân của 9 dự án này trong 8 tháng qua đang cao hơn 4,9%.

Vàng trong nước không biến động, tỷ giá trung tâm giảm mạnh 25 đồng

Giá vàng nhẫn và vàng miếng SJC phiên hôm nay (30/9) không có biến động. Công ty Phú Quý niêm yết giá vàng nhẫn tròn 999.0 từ 82,60-83,45 triệu đồng/lượng, đi ngang so với chốt phiên trước. Công ty Doji, công ty Phú Quý và Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn cùng thông báo giá mua vàng SJC ở mức 81,50 triệu đồng/lượng và bán ra là 83,5 triệu đồng/lượng.

Trên thế giới, giá vàng dao động quanh ngưỡng 2.652 USD/ounce, giảm 6 USD/ounce so với cùng thời điểm phiên trước. Mức giá này khi quy đổi tương đương 79,50 triệu đồng/lượng, rẻ hơn thương hiệu SJC trong nước khoảng 3,7 triệu đồng/lượng.

Sáng nay, Ngân hàng Nhà nước niêm yết tỷ giá trung tâm ngày 30/9 là 24.093 VND/USD, giảm 25 đồng so với ngày 27/9. Ngân hàng Vietcombank mua vào là 24.410 đồng/USD và bán ra là 24.780 đồng/USD, tăng 20 đồng. Ngân hàng BIDV mua và bán từ 24.440-24.780 đồng/USD, tăng 10 đồng so với chốt phiên trước. Trong khi đó, Ngân hàng VietinBank niêm yết tỷ giá USD từ 24.440-24.780 đồng/USD, giữ ổn định. Ngân hàng Eximbank thông báo từ 24.380-24.740 đồng/USD, đi ngang so với chốt phiên trước./.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Coteccons đặt mục tiêu lợi nhuận 430 tỷ đồng năm 2024-2025, tăng trưởng gần 40%

Công ty cổ phần xây dựng Coteccons vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024. Coteccons cho biết, đại hội năm nay sẽ được tổ chức vào ngày 19/10/2024. Coteccons đặt mục tiêu năm tài chính 2024-2025 doanh thu thuần 25.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 430 tỷ đồng, tăng trưởng tương ứng 18,8% và 39% so với năm trước.

Công ty con của GVR trả cổ tức thấp nhất 16 năm

HĐQT CTCP Cao su Đồng Phú (Doruco, HOSE: DPR) ra quyết nghị thống nhất phương án chi cổ tức 2023 với tỷ lệ 15% Với gần 86.9 triệu cp đang lưu hành, ước tính Doanh nghiệp sẽ chi hơn 130 tỷ đồng để hoàn tất chi trả cho cổ đông. Doanh nghiệp chưa công bố ngày chốt quyền, nhưng dự kiến diễn ra trong tháng 10 và hoàn tất chi trả trước ngày 20/12/2024. Mức cổ tức trên là mức thấp nhất của DPR từ năm 2008 tới nay. Trong 16 năm qua, DPR trả cổ tức đều đặn, thấp nhất 20% (2009) và cao nhất tới 60% (2017). Những năm gần đây, tỷ lệ dao động từ 30-40%.

DPR hiện là công ty con thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE: GVR), nắm 55.24% vốn điều lệ. Với tỷ lệ trên, GVR sẽ nhận khoảng 72 tỷ đồng trong đợt chi trả này.

Vinatex ước lãi hơn 200 tỷ đồng trong quý III

Thông tin từ Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex – Mã: VGT), trong 9 tháng đầu năm, doanh thu hợp nhất khoảng 13.036 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ, thực hiện được 73% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế khoảng 490 tỷ đồng, tăng 70% so với cùng kỳ, thực hiện được 89% so với mục tiêu năm đặt ra. Tính riêng quý III, Vinatex ước đạt 5.082 tỷ đồng doanh thu, tăng 24% so với cùng kỳ. Lãi trước thuế khoảng 207 tỷ đồng, tăng 80% so với quý III/2023.

Viconship muốn mua gần 38% vốn tại Vinaship

Ngày 24/9, CTCP Vận tải Biển Vinaship (Mã: VNA) đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2024. Tại đại hội, cổ đông công ty đã thông qua việc chấp thuận cho CTCP Container Việt Nam (Viconship – Mã: VSC) được phép nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết từ các cổ đông hiện hữu của Vinaship để đạt sở hữu trên 25% số cổ phiếu có quyền biểu quyết mà không phải chào mua công khai.

Chốt phiên 27/9, cổ phiếu VNA dừng tại 24.900 đồng/cổ phiếu, như vậy, Viconship cần chi khoảng 318 tỷ đồng để mua 37,55% vốn tại Vinaship.

Nếu thương vụ mua bán hoàn tất, Viconship sẽ là cổ đông lớn thứ hai tại Vinaship, sau Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC - Mã: MVN) nắm 51% vốn tại đây.

Ngoài ra, tại đại hội, cổ đông Vinaship còn thông qua kế hoạch đầu tư 1 tàu biển chở hàng khô với trọng tải từ 28.000 – 32.000 DWT. Tổng vốn đầu tư dự kiến 12 triệu USD, tương đương 306 tỷ đồng. Công ty dự kiến dùng 50% vốn tự có, còn lại là vốn vay ngân hàng.

Năm 2024, công ty kỳ vọng đạt 629 tỷ đồng doanh thu và 58 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Trong 6 tháng đầu năm nay, Vinaship lãi trước thuế gần 35 tỷ đồng, thực hiện được 60% kế hoạch năm đặt ra.

Nguồn: Cafef, Vietstock, Vietnambiz

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VPB	20,100	1.77%	0.05%
HPG	26,350	1.15%	0.04%
MSB	13,050	3.57%	0.02%
MWG	68,100	0.89%	0.02%
TPB	17,200	1.78%	0.01%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PTI	34,200	5.23%	0.04%
BAB	12,100	0.83%	0.03%
KSV	55,300	0.73%	0.02%
HGM	80,400	7.20%	0.02%
MVB	19,600	3.16%	0.02%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	92,000	-0.54%	-0.05%
VHM	42,800	-1.38%	-0.05%
BID	49,700	-0.80%	-0.04%
VIC	42,000	-1.18%	-0.04%
VNM	70,100	-1.27%	-0.04%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
NTP	61,300	-4.22%	-0.12%
DNP	24,500	-8.58%	-0.09%
IDC	57,600	-0.86%	-0.05%
VCS	64,700	-1.22%	-0.04%
VC3	28,500	-1.72%	-0.02%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
TPB	17,200	1.78%	37,870,846
HPG	26,350	1.15%	37,445,314
NVL	11,050	-4.33%	30,205,131
VPB	20,100	1.77%	26,731,610
MSB	13,050	3.57%	24,830,604

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	15,600	0.00%	8,480,190
TIG	14,100	1.44%	3,844,321
CEO	16,000	-0.62%	3,634,083
DNP	24,500	-8.58%	3,298,799
MBS	31,900	0.00%	3,201,246

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	26,350	1.15%	989.9
TPB	17,200	1.78%	648.2
VPB	20,100	1.77%	532.0
TCB	24,200	0.00%	519.3
STB	33,350	-0.74%	415.1

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHS	15,600	0.00%	133.0
PVS	40,600	-0.25%	111.8
MBS	31,900	0.00%	101.5
DNP	24,500	-8.58%	80.2
IDC	57,600	-0.86%	74.1

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
EIB	10,183,800	184.33
ACB	7,506,304	182.96
SSB	10,000,000	170.00
NLG	2,000,000	84.00
VPB	3,979,001	78.72

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
VGP	1,112,759	35.61
IDC	230,000	12.19
CTP	325,100	12.03
HUT	360,000	5.36
NDN	577,900	4.91

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	42.07	1,417.15	64.09	1,920.90	(22.03)	(503.76)
HNX	0.94	23.67	3.52	102.81	(2.58)	(79.14)
Tổng 2 sàn	**43.00**	**1,440.81**	**67.61**	**2,023.71**	**(24.61)**	**(582.90)**

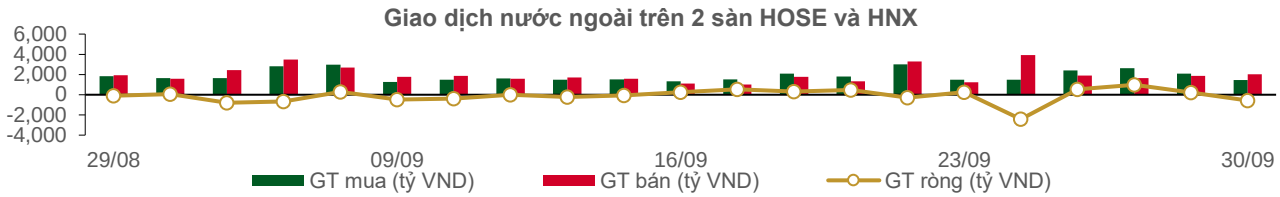

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
FPT	134,500	2,036,758	272.18
TCB	24,200	6,915,028	167.13
MWG	68,100	2,240,345	151.69
VCB	92,000	687,328	63.43
VPB	20,100	3,112,200	62.00

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
IDC	57,600	111,700	6.45
BVS	43,300	96,200	4.16
PVS	40,600	68,800	2.79
TNG	26,400	69,400	1.81
VGS	39,100	29,800	1.16

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
HPG	26,350	12,849,892	339.65
FPT	134,500	1,703,825	227.37
TCB	24,200	7,288,060	175.95
MWG	68,100	1,994,413	134.69
STB	33,350	3,400,300	113.59

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
PVS	40,600	854,100	34.72
IDC	57,600	465,000	26.81
SHS	15,600	1,056,999	16.58
MBS	31,900	181,100	5.75
VGS	39,100	127,000	4.97

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
FPT	134,500	332,933	44.81
SSI	27,900	1,287,940	35.95
VHM	42,800	806,551	34.51
DGC	115,500	252,500	29.17
PVD	27,700	883,400	24.43

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
BVS	43,300	79,300	3.43
PVI	44,800	14,900	0.67
API	9,200	69,200	0.63
VTZ	15,700	20,700	0.32
TIG	14,100	18,300	0.25

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	26,350	(11,019,692)	(291.27)
STB	33,350	(3,295,900)	(110.10)
GMD	78,000	(662,700)	(51.12)
VRE	19,100	(2,554,200)	(48.95)
VPB	20,100	(2,265,010)	(45.14)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	40,600	(785,300)	(31.93)
IDC	57,600	(353,300)	(20.36)
SHS	15,600	(992,099)	(15.57)
MBS	31,900	(175,500)	(5.57)
VGS	39,100	(97,200)	(3.81)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	23,650	-0.1%	528,093	12.47
FUEMAV30	16,230	-0.3%	6,941	0.11
FUESSV30	16,880	-0.1%	4,903	0.08
FUESSV50	20,200	0.0%	30,711	0.62
FUESSVFL	22,020	0.1%	535,989	11.81
FUEVFVND	34,000	0.4%	631,763	21.33
FUEVN100	18,100	0.6%	45,686	0.83
FUEIP100	9,130	-0.1%	400	0.00
FUEKIV30	9,020	0.1%	700	0.01
FUEDCMID	12,150	0.0%	17,669	0.21
FUEKIVFS	13,070	0.0%	0	0.00
FUEMAVND	14,180	0.3%	300	0.00
FUEFCV50	12,370	1.3%	4,304	0.05
FUEBFVND	12,510	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	12,840	0.0%	0	0.00
FUEABVND	9,500	-6.9%	100	0.00
Tổng cộng			**1,807,559**	**47.53**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	9.65	9.51	0.14
FUEMAV30	0.10	0.00	0.10
FUESSV30	0.00	0.02	(0.01)
FUESSV50	0.48	0.04	0.45
FUESSVFL	0.63	9.80	(9.17)
FUEVFVND	17.00	7.18	9.81
FUEVN100	0.37	0.01	0.36
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.00	0.00	0.00
FUEDCMID	0.14	0.05	0.09
FUEKIVFS	0.00	0.00	0.00
FUEMAVND	0.00	0.00	(0.00)
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	**28.37**	**26.61**	**1.76**

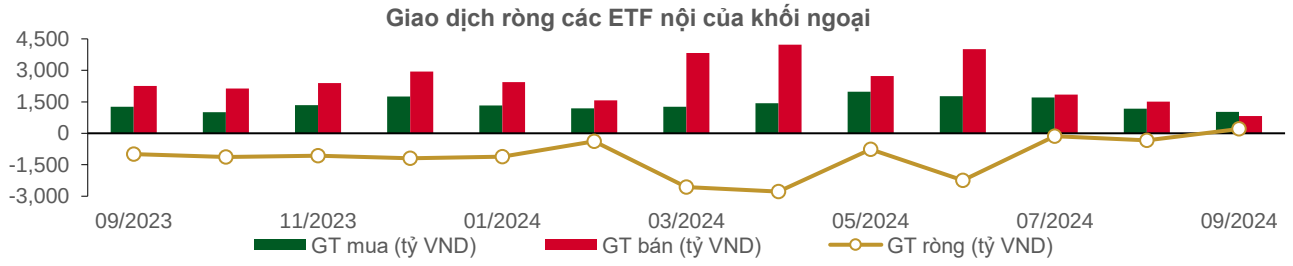

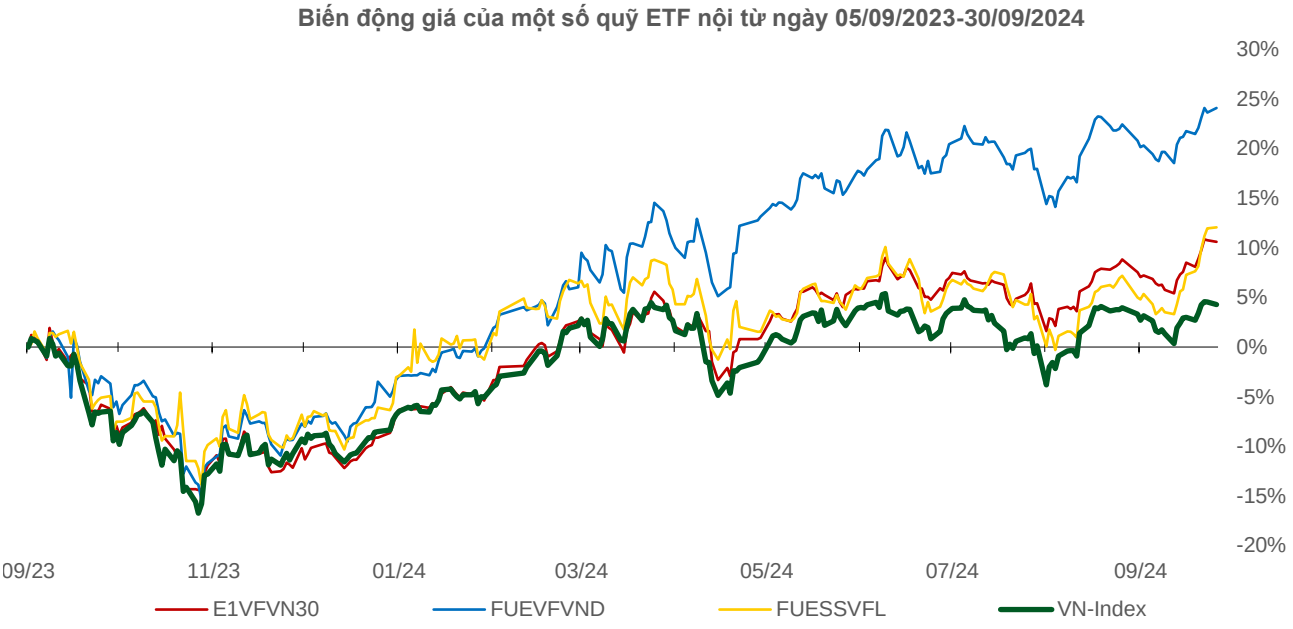

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2305	1,120	-3.5%	61,980	7	25,750	1,121	1	20,160	5.0	07/10/2024
CACB2402	250	-30.6%	72,980	10	25,750	135	(115)	26,000	2.0	10/10/2024
CFPT2314	5,760	-0.9%	6,560	99	134,500	5,677	(83)	86,350	8.6	07/01/2025
CFPT2317	3,650	0.0%	31,390	50	134,500	3,664	14	87,210	13.0	19/11/2024
CFPT2401	1,740	-1.1%	25,340	65	134,500	1,424	(316)	124,770	8.6	04/12/2024
CHPG2331	220	22.2%	239,770	7	26,350	185	(35)	25,450	5.5	07/10/2024
CHPG2332	360	12.5%	137,030	38	26,350	215	(145)	25,910	5.5	07/11/2024
CHPG2333	480	14.3%	74,610	66	26,350	228	(252)	26,360	5.5	05/12/2024
CHPG2334	510	2.0%	69,040	99	26,350	184	(326)	26,810	7.3	07/01/2025
CHPG2338	30	50.0%	57,270	3	26,350	11	(19)	27,270	3.6	03/10/2024
CHPG2339	1,250	5.9%	42,190	94	26,350	574	(676)	27,470	1.8	02/01/2025
CHPG2342	670	3.1%	4,490	50	26,350	510	(160)	21,820	9.1	19/11/2024
CHPG2402	1,410	6.0%	86,770	231	26,350	619	(791)	28,180	2.7	19/05/2025
CHPG2403	420	10.5%	160,240	155	26,350	153	(267)	30,500	4.0	04/03/2025
CHPG2404	10	0.0%	12,800	10	26,350	0	(10)	32,000	2.0	10/10/2024
CHPG2405	70	16.7%	143,210	43	26,350	4	(66)	33,000	2.0	12/11/2024
CMBB2315	1,730	-1.7%	126,830	99	25,700	1,615	(115)	19,570	3.9	07/01/2025
CMBB2402	2,100	-1.9%	114,780	231	25,700	1,748	(352)	23,480	2.0	19/05/2025
CMBB2403	1,700	-3.4%	18,590	65	25,700	1,492	(208)	23,000	2.0	04/12/2024
CMBB2404	2,100	1.5%	55,000	155	25,700	1,551	(549)	23,500	2.0	04/03/2025
CMSN2313	30	-50.0%	304,970	7	75,700	26	(4)	80,000	10.0	07/10/2024
CMSN2316	100	-50.0%	6,810	3	75,700	0	(100)	83,980	10.0	03/10/2024
CMSN2317	710	0.0%	0	94	75,700	218	(492)	86,870	8.0	02/01/2025
CMSN2401	1,020	6.3%	17,110	155	75,700	557	(463)	82,000	8.0	04/03/2025
CMSN2402	470	-4.1%	92,320	43	75,700	232	(238)	83,000	5.0	12/11/2024
CMSN2403	410	-6.8%	69,100	73	75,700	163	(247)	90,000	5.0	12/12/2024
CMWG2314	1,850	1.7%	44,790	99	68,100	1,740	(110)	51,590	9.9	07/01/2025
CMWG2401	2,660	6.0%	7,740	231	68,100	2,396	(264)	65,480	4.0	19/05/2025
CMWG2402	1,650	10.7%	14,250	65	68,100	1,387	(263)	63,490	5.0	04/12/2024
CMWG2403	2,120	3.4%	4,550	155	68,100	1,720	(400)	64,490	5.0	04/03/2025
CMWG2404	510	2.0%	34,390	10	68,100	448	(62)	67,960	4.0	10/10/2024
CPOW2314	60	-50.0%	76,780	3	13,100	79	19	13,110	2.0	03/10/2024
CPOW2315	660	0.0%	4,320	94	13,100	335	(325)	13,460	2.0	02/01/2025
CSHB2305	10	-75.0%	14,580	3	11,000	0	(10)	12,020	4.8	03/10/2024
CSHB2306	780	-2.5%	40	94	11,000	105	(675)	12,240	1.9	02/01/2025
CSTB2328	440	0.0%	49,550	99	33,350	295	(145)	33,000	8.0	07/01/2025
CSTB2332	20	0.0%	108,340	3	33,350	1	(19)	35,890	5.0	03/10/2024
CSTB2333	1,080	-4.4%	25,860	94	33,350	536	(544)	36,110	2.0	02/01/2025
CSTB2337	960	0.0%	39,590	50	33,350	927	(33)	27,000	7.0	19/11/2024
CSTB2402	1,950	-2.0%	74,360	231	33,350	1,765	(185)	30,000	3.0	19/05/2025
CSTB2403	1,150	1.8%	220	65	33,350	980	(170)	30,000	4.0	04/12/2024
CSTB2404	1,320	-8.3%	79,240	155	33,350	1,017	(303)	31,000	4.0	04/03/2025
CSTB2405	1,180	-7.8%	12,350	43	33,350	942	(238)	32,500	2.0	12/11/2024
CSTB2406	1,090	-9.2%	39,830	10	33,350	993	(97)	31,500	2.0	10/10/2024
CSTB2407	680	-6.9%	20,690	73	33,350	511	(169)	33,000	4.0	12/12/2024
CTCB2310	1,820	-2.7%	20,920	7	24,200	1,857	37	16,970	3.9	07/10/2024
CTCB2402	450	-8.2%	85,910	73	24,200	156	(294)	27,500	2.0	12/12/2024
CTPB2306	680	38.8%	3,470	3	17,200	667	(13)	16,140	1.6	03/10/2024
CTPB2402	1,630	9.4%	38,220	65	17,200	1,468	(162)	15,020	1.6	04/12/2024
CVHM2313	10	-50.0%	142,050	7	42,800	0	(10)	50,000	10.0	07/10/2024
CVHM2317	10	-50.0%	87,410	3	42,800	0	(10)	52,350	8.0	03/10/2024
CVHM2318	720	-1.4%	920	94	42,800	52	(668)	53,460	5.0	02/01/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2402	1,780	2.9%	3,920	155	42,800	1,059	(721)	41,500	4.0	04/03/2025
CVHM2403	1,390	-4.8%	30,000	65	42,800	897	(493)	40,500	4.0	04/12/2024
CVHM2404	1,110	-9.8%	545,660	43	42,800	891	(219)	40,000	4.0	12/11/2024
CVHM2405	680	-12.8%	220,460	73	42,800	375	(305)	45,000	4.0	12/12/2024
CVIB2305	520	-8.8%	131,270	99	19,300	424	(96)	17,750	4.8	07/01/2025
CVIB2402	840	-3.5%	163,940	231	19,300	695	(145)	20,510	1.7	19/05/2025
CVIB2403	70	-36.4%	43,770	10	19,300	19	(51)	20,510	1.7	10/10/2024
CVIB2404	220	-4.4%	60,350	43	19,300	66	(154)	21,370	1.7	12/11/2024
CVIC2309	10	-50.0%	4,870	7	42,000	0	(10)	52,000	10.0	07/10/2024
CVIC2313	10	-50.0%	99,420	3	42,000	0	(10)	53,460	10.0	03/10/2024
CVIC2314	310	-3.1%	120	94	42,000	54	(256)	54,570	5.0	02/01/2025
CVIC2401	670	1.5%	8,900	65	42,000	307	(363)	45,500	4.0	04/12/2024
CVIC2402	280	-9.7%	122,660	73	42,000	123	(157)	50,000	4.0	12/12/2024
CVIC2403	70	-46.2%	193,110	10	42,000	41	(29)	45,000	4.0	10/10/2024
CVNM2311	410	-8.9%	14,620	99	70,100	107	(303)	75,820	9.5	07/01/2025
CVNM2314	10	-66.7%	45,350	3	70,100	0	(10)	82,350	7.6	03/10/2024
CVNM2315	550	-11.3%	45,030	94	70,100	27	(523)	84,240	3.8	02/01/2025
CVNM2401	1,550	-3.1%	13,630	231	70,100	1,138	(412)	63,830	7.7	19/05/2025
CVNM2402	860	3.6%	7,830	65	70,100	460	(400)	68,180	7.7	04/12/2024
CVNM2403	650	-13.3%	38,140	43	70,100	252	(398)	72,530	3.9	12/11/2024
CVNM2404	840	-18.5%	46,730	10	70,100	674	(166)	67,690	3.9	10/10/2024
CVPB2315	180	5.9%	287,240	99	20,100	91	(89)	22,170	5.4	07/01/2025
CVPB2318	10	0.0%	26,440	3	20,100	0	(10)	22,230	3.6	03/10/2024
CVPB2319	650	12.1%	28,770	94	20,100	192	(458)	22,740	1.8	02/01/2025
CVPB2401	1,450	10.7%	49,540	231	20,100	1,058	(392)	19,940	1.9	19/05/2025
CVPB2402	1,030	4.0%	58,660	65	20,100	817	(213)	19,000	2.0	04/12/2024
CVPB2403	1,390	3.7%	42,480	155	20,100	1,081	(309)	19,000	2.0	04/03/2025
CVPB2404	430	16.2%	16,350	10	20,100	382	(48)	19,500	2.0	10/10/2024
CVPB2405	580	11.5%	24,700	43	20,100	426	(154)	20,000	2.0	12/11/2024
CVPB2406	690	15.0%	33,790	73	20,100	434	(256)	20,500	2.0	12/12/2024
CVRE2315	10	0.0%	1,940	7	19,100	0	(10)	30,000	8.0	07/10/2024
CVRE2319	10	0.0%	25,820	3	19,100	0	(10)	31,780	4.0	03/10/2024
CVRE2320	90	-10.0%	7,390	94	19,100	1	(89)	32,330	2.0	02/01/2025
CVRE2401	300	-3.2%	11,180	65	19,100	99	(201)	21,500	4.0	04/12/2024
CVRE2402	290	-6.5%	100,600	155	19,100	135	(155)	23,500	4.0	04/03/2025
CVRE2403	60	0.0%	69,910	43	19,100	7	(53)	25,000	2.0	12/11/2024
CVRE2404	30	-40.0%	11,790	10	19,100	1	(29)	22,500	2.0	10/10/2024

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2024F (tỷ VND)
SAB	HOSE	57,800	70,700	26/09/2024	4,544
KDH	HOSE	38,900	43,700	25/09/2024	835
CTG	HOSE	36,950	40,200	18/09/2024	20,759
HPG	HOSE	26,350	28,200	06/09/2024	16,149
PVT	HOSE	27,950	31,650	26/08/2024	1,110
POW	HOSE	13,100	15,900	23/08/2024	1,181
TCB	HOSE	24,200	28,200	21/08/2024	23,965
DRI	UPCOM	12,023	14,100	20/08/2024	103
TCM	HOSE	48,800	58,500	14/08/2024	277
NT2	HOSE	19,800	22,300	09/08/2024	73
VNM	HOSE	70,100	76,100	07/08/2024	9,705
BMI	HOSE	22,750	29,200	07/08/2024	375
IJC	HOSE	13,700	17,300	06/08/2024	538

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

QNS	UPCOM	48,098	58,500	02/08/2024	2,202
ANV	HOSE	33,450	35,300	05/07/2024	145
DPR	HOSE	43,300	44,600	02/07/2024	350
GEG	HOSE	11,650	18,300	01/07/2024	1,463
GAS	HOSE	73,200	82,900	03/06/2024	11,155
VHC	HOSE	72,300	79,300	28/05/2024	1,117
BSR	UPCOM	24,233	23,200	24/05/2024	5,111
CTD	HOSE	63,800	87,500	24/05/2024	316
IMP	HOSE	50,000	77,200	13/05/2024	383
DGC	HOSE	115,500	118,800	08/05/2024	3,864
FMC	HOSE	47,050	55,100	04/05/2024	343
PVD	HOSE	27,700	31,000	02/05/2024	780
HDB	HOSE	28,200	31,000	16/04/2024	13,140
STK	HOSE	26,500	38,550	04/04/2024	132
MSB	HOSE	13,050	20,700	19/03/2024	5,749
VIB	HOSE	19,300	27,000	07/02/2024	9,843
VHM	HOSE	42,800	63,300	26/01/2024	27,904
MSH	HOSE	47,000	55,900	17/01/2024	318
SIP	HOSE	71,400	83,400	10/01/2024	1,123
KBC	HOSE	28,200	36,000	10/01/2024	1,647
IDC	HNX	57,600	56,000	10/01/2024	2,212
VCB	HOSE	92,000	87,329	10/01/2024	37,497
BID	HOSE	49,700	55,870	10/01/2024	25,522
MBB	HOSE	25,700	29,592	10/01/2024	23,926
TPB	HOSE	17,200	24,130	10/01/2024	7,508
OCB	HOSE	12,100	19,164	10/01/2024	4,880
ACB	HOSE	25,750	31,952	10/01/2024	18,261
VPB	HOSE	20,100	25,603	10/01/2024	16,420
STB	HOSE	33,350	34,494	10/01/2024	9,865
LPB	HOSE	31,950	18,389	10/01/2024	4,731
SHB	HOSE	11,000	16,146	10/01/2024	10,044
MWG	HOSE	68,100	61,600	10/01/2024	2,325
FRT	HOSE	178,000	119,200	10/01/2024	305
DGW	HOSE	46,850	55,300	10/01/2024	665
PNJ	HOSE	98,800	101,000	10/01/2024	2,357
PLX	HOSE	44,500	42,300	10/01/2024	4,395
PVS	HNX	40,600	40,300	10/01/2024	1,136
NLG	HOSE	41,550	40,600	10/01/2024	631
VRE	HOSE	19,100	37,700	10/01/2024	4,252

Nguồn: PHS

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới -10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: 1900 25 23 58 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM.
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060